

**Giới thiệu tóm tắt một số văn bản mới ban hành
(Số tháng 4/2024)**

I. Luật Giá năm 2023:

Luật Giá số 16/2023/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật này (Quy định tại khoản 2 Điều 60 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, hội đồng thẩm định giá phải có ít nhất 01 thành viên có một trong các chứng nhận chuyên môn sau đây:

- a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành giá, thẩm định giá;
- b) Thẻ thẩm định viên về giá;
- c) Chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ về thẩm định giá;
- d) Chứng chỉ bồi dưỡng thẩm định giá nhà nước.)

Luật Giá số 11/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 61/2014/QH13, Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 07/2022/QH15 (sau đây gọi chung là Luật Giá số 11/2012/QH13) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ các quy định tại Điều 75 của Luật này (quy định chuyển tiếp).

Phạm vi điều chỉnh:

Luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân, người tiêu dùng trong lĩnh vực giá, thẩm định giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá; thẩm định giá; thanh tra chuyên ngành về giá, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Đối tượng áp dụng:

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên lãnh thổ Việt Nam.

Một số nội dung đáng chú ý của Luật Giá năm 2023:

- * Thay đổi danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá:

Bình ổn giá là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các giải pháp, biện pháp theo quy định của Luật này nhằm ổn định giá hàng hóa, dịch vụ khi có biến động bất thường về giá trong một khoảng thời gian nhất định.

Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá tại Luật Giá 2023 kế thừa từ Luật Giá 2012 và có một số điểm thay đổi đáng chú ý như sau:

- Muối ăn và điện không còn nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nữa.

- Phân DAP và thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản là những hàng hóa được thêm mới vào danh mục bình ổn giá.

Cụ thể, danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, sẽ bao gồm:

- Xăng, dầu thành phẩm.
- Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).
- Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.
- Thóc tẻ, gạo tẻ.
- Phân đạm; phân DAP; phân NPK.
- Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản.
- Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm.
- Thuốc bảo vệ thực vật.
- Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

*Các biện pháp bình ổn giá bao gồm:

a) Điều hòa cung cầu bao gồm: điều hòa sản xuất hàng hóa trong nước, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; điều hòa hàng hóa giữa các vùng, các địa phương trong nước thông qua việc tổ chức lưu thông hàng hóa; mua vào hoặc bán ra hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ lưu thông;

b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Định giá cụ thể, giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá phù hợp với tính chất của từng loại hàng hóa, dịch vụ; việc định giá hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo các nguyên tắc, căn cứ, phương pháp quy định tại Mục 2 Chương này;

d) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Sử dụng quỹ bình ổn giá trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã được lập quỹ bình ổn giá.

Quỹ bình ổn giá là quỹ tài chính không nằm trong cân đối ngân sách nhà nước, được trích lập từ giá hàng hóa, dịch vụ và các nguồn tài chính hợp pháp khác và chỉ được sử dụng cho mục đích bình ổn giá. Chính phủ quyết định việc lập quỹ bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá; quy định về quản lý, trích lập, chi sử dụng quỹ bình ổn giá và chịu trách nhiệm bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng quỹ.

Thời hạn áp dụng các biện pháp bình ổn giá do cơ quan có thẩm quyền quyết định biện pháp bình ổn giá xác định trên cơ sở xác định nguyên nhân của biến động giá; căn cứ tình hình thực hiện, diễn biến giá hàng hóa, dịch vụ trong thực tế có thể kết thúc bình ổn giá trước thời hạn hoặc gia hạn thời hạn áp dụng.

II. Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 05/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới:

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Một số nội dung chính của Kế hoạch:

*** Mục đích:**

a) Quán triệt, tổ chức thực hiện đầy đủ, chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp tại Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở trong tình hình mới (Chỉ thị số 25-CT/TW).

b) Tạo chuyên môn mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các bộ, ngành, chính quyền địa phương và người dân về công tác y tế cơ sở; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực cho công tác y tế cơ sở.

c) Xác định nhiệm vụ cụ thể và trách nhiệm của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW.

*** Yêu cầu**

a) Các nhiệm vụ triển khai thực hiện phải bám sát nội dung Chỉ thị số 25-CT/TW, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, khả thi.

b) Nội dung Kế hoạch phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp các cấp.

c) Bảo đảm sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả, đúng tiến độ giữa các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong Kế hoạch.

*** Nhiệm vụ và giải pháp:**

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền các cấp tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cơ sở

a) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến nội dung Chỉ thị số 25-CT/TW và các văn bản hướng dẫn thực hiện bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, yêu cầu của công tác chăm sóc sức khỏe ban

đầu và vai trò, nhiệm vụ của y tế cơ sở; đẩy mạnh phong trào rèn luyện, nâng cao sức khoẻ toàn dân.

b) Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chính quyền, cơ quan chuyên môn trong thực hiện trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động và tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu bảo đảm công bằng trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân. Người đứng đầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, ngành y tế phải nêu cao trách nhiệm đối với hoạt động của y tế cơ sở thuộc phạm vi phụ trách.

c) Thường xuyên tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, yêu cầu của công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vai trò, nhiệm vụ của y tế cơ sở. Mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khoẻ, phổ biến kiến thức để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ. Đẩy mạnh phong trào rèn luyện, nâng cao sức khoẻ toàn dân.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong xây dựng, triển khai thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về y tế cơ sở

a) Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế cơ sở vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và chiến lược phát triển dài hạn của quốc gia, các ngành, các cấp và địa phương.

b) Tiếp tục rà soát, xây dựng chính sách, pháp luật về y tế cơ sở đồng bộ với chính sách, pháp luật về bảo hiểm y tế, khám bệnh, chữa bệnh, dược, phòng, chống bệnh truyền nhiễm, an toàn thực phẩm... bảo đảm y tế cơ sở giữ vai trò tuyến đầu trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân.

c) Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích y tế tư nhân, tổ chức, cá nhân tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu, y tế dự phòng và kết nối với y tế cơ sở trong quản lý sức khoẻ cá nhân.

d) Kiện toàn tổ chức bộ máy y tế cơ sở: trạm y tế xã, phường, thị trấn; trung tâm y tế cấp huyện; y tế trường học, y tế cơ quan, nông, lâm trường, doanh nghiệp và y tế khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất.

- Hoạt động của trạm y tế xã, phường, thị trấn phải gắn với quản lý toàn diện sức khoẻ cá nhân; quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, dinh dưỡng cộng đồng; thực hiện hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo mô hình y học gia đình; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại; kết hợp quân y và dân y; gắn với y tế trường học.

- Thực hiện thống nhất mô hình tổ chức, quản lý đối với trung tâm y tế cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý toàn diện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế, dân số, an ninh, an

toàn thực phẩm trên địa bàn; có nhiệm vụ quản lý, hướng dẫn nâng cao chất lượng nguồn lực và tổ chức hoạt động chuyên môn của y tế cơ sở.

- Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ; nghiên cứu, xây dựng tiêu chí và tổ chức hệ thống trạm y tế phù hợp với quy mô, cơ cấu dân số, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ở từng khu vực, địa bàn, không nhất thiết theo địa giới hành chính.

- Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí, quy định thành lập cơ sở y tế tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất phù hợp với quy mô lao động, điều kiện thực tiễn và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người lao động.

- Rà soát, sắp xếp hệ thống y tế trường học gắn với y tế cơ sở, bảo đảm mỗi trường học có nhân viên phụ trách công tác y tế trường học (nhân viên chuyên trách hoặc phân công nhân viên kiêm nhiệm theo dõi công tác y tế trường học) hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở y tế ở địa phương; các trung tâm y tế cấp huyện, trạm y tế cấp xã có phân công cán bộ phụ trách công tác y tế trường học.

3. Tăng cường đầu tư cho y tế cơ sở gắn với đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước

a) Vận động tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ kỹ thuật, tài chính để đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho y tế cơ sở.

b) Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên kết quả hoạt động và điều kiện thực tiễn; áp dụng phương thức Nhà nước đặt hàng. Hoàn thiện các gói dịch vụ y tế cơ bản để giao nhiệm vụ cho y tế cơ sở thực hiện.

c) Chi trả theo hướng khuyến khích cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe dân cư tại cộng đồng. Tăng cường nguồn lực cho y tế dự phòng, sàng lọc và phát hiện bệnh sớm.

d) Hoàn thiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo hướng tính đúng, tính đủ, xác định rõ chính sách phúc lợi, chính sách an sinh trong giá dịch vụ y tế.

đ) Nghiên cứu tiếp tục tăng mức đóng bảo hiểm y tế theo lộ trình phù hợp với ngân sách nhà nước, khả năng chi trả của Nhân dân; từng bước mở rộng danh mục dịch vụ thuộc phạm vi của y tế cơ sở do quỹ bảo hiểm y tế chi trả phù hợp với mức đóng.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế cơ sở

a) Phân đầu đến năm 2030, mỗi trạm y tế có ít nhất một bác sĩ cơ hữu; mỗi thôn, bản có một nhân viên y tế được đào tạo hoặc tập huấn về chuyên môn.

b) Xây dựng Đề án vị trí việc làm, phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo phân cấp của Chính phủ và tuyển dụng với số lượng, cơ cấu phù hợp, đảm bảo thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tại y tế cơ sở.

c) Nghiên cứu bảo đảm tiền lương, phụ cấp, chế độ đãi ngộ cho nhân lực y tế cơ sở tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ và đặc thù công việc. Có chính sách đột phá để thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi làm việc, gắn bó lâu dài tại y tế cơ sở, nhất là vùng khó khăn, biên giới, hải đảo.

d) Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế cơ sở; có chính sách đào tạo đặc thù cho khu vực khó khăn; phối hợp linh hoạt các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức y khoa liên tục.

đ) Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả việc luân phiên, luân chuyển, điều động nhân lực y tế để hỗ trợ thường xuyên cho y tế cơ sở.

5. Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của y tế cơ sở

a) Chú trọng phòng bệnh, nâng cao sức khỏe, sàng lọc phát hiện sớm bệnh, tật; đẩy mạnh quản lý và điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý sức khỏe người dân tại gia đình và cộng đồng. Sớm hoàn thành mục tiêu mọi người dân đều được theo dõi, quản lý sức khỏe toàn diện.

b) Phân đầu đến năm 2030, tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số; trên 95% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; người có nguy cơ cao mắc bệnh được kiểm tra sức khỏe ít nhất mỗi năm một lần, hướng tới kiểm tra sức khỏe định kỳ cho toàn dân.

c) Phát triển mô hình bác sĩ gia đình, thiết lập hệ thống chuyển tuyến chuyên môn linh hoạt. Xây dựng quy định việc chuyển tuyến chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh bảo đảm thực hiện hiệu quả chủ trương phát triển y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

d) Phát huy vai trò, hiệu quả của y học cổ truyền trong phòng bệnh, chữa bệnh và nâng cao sức khỏe. Đẩy mạnh kết hợp quân - dân y, y tế cơ sở gắn kết với y tế trường học, nâng cao năng lực y tế vùng khó khăn, biên giới, hải đảo.

đ) Triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của y tế cơ sở; đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin, tăng cường kết nối giữa y tế cơ sở với y tế tuyến trên và người dân trong tư vấn, khám bệnh, chữa bệnh từ xa; thống kê, quản lý dữ liệu về y tế cơ sở thống nhất với hệ thống y tế trong cả nước, gắn với bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân, thông tin cá nhân.

6. Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch.

III. Thông tư số 34/2023/TT-BGTVT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 5 năm 2019 ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa:

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2024.

Quy định mới của Thông tư:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 17/2019/TT-BGTVT ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa như sau:

1. Khung giá dịch vụ vận chuyển hành khách hạng phổ thông cơ bản

Nhóm	Khoảng cách đường bay	Mức tối đa (đồng/vé một chiều)
I	Dưới 500 km	
1.	Nhóm đường bay phát triển kinh tế xã hội	1.600.000
2.	Nhóm đường bay khác dưới 500 km	1.700.000
II	Từ 500 km đến dưới 850 km	2.250.000
III	Từ 850 km đến dưới 1.000 km	2.890.000
IV	Từ 1.000 km đến dưới 1.280 km	3.400.000
V	Từ 1.280 km trở lên	4.000.000

So với quy định cũ, mức giá trần dịch vụ vận chuyển hành khách trên các đường bay nội địa có độ dài từ 500 km trở lên tăng từ 50.000 đồng đến 250.000 đồng/vé/chiều.

IV. Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái:

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Thông tư này bãi bỏ: Phụ lục 24 Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với các khóa đào tạo đã tuyển sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực, các cơ sở đào tạo tiếp tục tổ chức đào tạo theo quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT, Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT, Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT, Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT);

b) Người vắng, trượt trong các kỳ sát hạch để được cấp lại giấy phép lái xe trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà đăng ký sát hạch lái xe sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì được xét duyệt và sát hạch theo quy định tại Thông tư này;

c) Người học nâng hạng giấy phép lái xe đã học nội dung kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại khóa đào tạo để được cấp giấy phép lái xe hiện có thì được bảo lưu kết quả (không phải học lại);

d) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền không thực hiện được xác thực định danh điện tử của tổ chức hoặc công dân do Hệ thống định danh và xác thực điện tử bị lỗi thì tổ chức, cá nhân xuất trình một trong các giấy tờ còn hiệu lực sau: bản sao giấy đăng ký kinh doanh, bản sao căn cước công dân, bản sao chứng minh nhân dân, bản sao hộ chiếu khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Một số quy định đáng chú ý của Thông tư:

Những trường hợp thu hồi giấy phép lái xe:

Thông tư 05/2024/TT-BGTVT đã sửa đổi, bổ sung quy định về những trường hợp tài xế sẽ bị thu hồi giấy phép lái xe. Cụ thể:

1. Người lái xe có hành vi gian dối để được cấp giấy phép lái xe;
2. Người lái xe tẩy, xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe;
3. Để người khác sử dụng giấy phép lái xe của mình;
4. Cơ quan có thẩm quyền cấp cho người không đủ điều kiện;
5. Có sai sót một trong các thông tin về họ tên, ngày sinh, quốc tịch, nơi cư trú, hạng giấy phép lái xe, giá trị cấp, ngày trúng tuyển, người ký;
6. Thông qua việc khám sức khỏe cơ quan có thẩm quyền xác định trong cơ thể người lái xe có chất ma túy (trừ các hành vi xử lý theo quy định tại điểm c và điểm d, khoản 10, Điều 5; điểm h và điểm i, khoản 8, Điều 6, Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019).

Xử lý đối với trường hợp giấy phép lái xe bị thu hồi:

Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại các điểm 1, 2, 4, 6 trên đây không có giá trị sử dụng, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.

b) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm 3 trên đây, sau 01 năm kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép lái xe có hiệu lực, cá nhân nếu có nhu cầu cấp giấy phép lái xe thì đăng ký với Sở Giao thông vận tải để sát hạch lại các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT

c) Giấy phép lái xe bị thu hồi theo quy định tại điểm 5 trên đây thực hiện như sau: giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng thực hiện theo quy định tại Điều 38 Thông tư này; giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng trên 03 tháng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT;

Người lái xe có các hành vi sử dụng giấy phép lái xe giả, sử dụng giấy phép lái xe đã khai báo mất để điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, Cơ quan quản lý giấy phép lái xe cập nhật dữ liệu về hành vi vi phạm trên hệ thống thông tin giấy phép lái xe kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; ngoài ra, người có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép lái xe trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; nếu có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch lại như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.”.

Trình tự thu hồi giấy phép lái xe:

Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe thực hiện thu hồi theo trình tự sau:

a) Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe ra quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy phép lái xe. Nội dung của quyết định nêu rõ lý do thu hồi và hủy bỏ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép lái xe, người lái xe phải nộp giấy phép lái xe bị thu hồi đến cơ quan thu hồi giấy phép lái xe và cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe có trách nhiệm thu hồi giấy phép lái xe đã cấp và hủy bỏ theo quy định;

c) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe đã sáp nhập, chia, tách, giải thể thì cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy phép lái xe là cơ quan đang quản lý sổ gốc cấp giấy phép lái xe.

V. Quyết định số 157/QĐ-TTCP ngày 29/3/2024 của Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2023:

Một số nội dung chính của Quyết định:

Theo Bộ chỉ số đánh giá ban hành kèm theo Quyết định:

Tổng điểm tiêu chí đánh giá là 100 điểm, trong đó, tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về phòng chống tham nhũng (PCTN) (20 điểm), tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (30 điểm), tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng (40 điểm), tiêu chí đánh giá việc thu hồi tiền, tài sản tham nhũng (10 điểm).

Trong đó:

* *Tiêu chí đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN (20 điểm) gồm:*

- Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN (5 điểm), gồm: việc ban hành kế hoạch PCTN năm 2023 và nội dung kế hoạch PCTN năm 2023;

- Đánh giá việc các sở, ban, quận, huyện, cơ quan, đơn vị thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện kế hoạch PCTN của cấp tỉnh (15 điểm), trong đó có đánh giá việc thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN; thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN; tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của chủ tịch UBND cấp tỉnh; tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp huyện và tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; việc chỉ đạo của chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân về tham nhũng; kiến nghị, đề nghị bảo vệ người tố cáo tham nhũng.

** Tiêu chí đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng (30 điểm) gồm:*

- Phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước (27 điểm), trong đó đánh giá kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật PCTN 2018; kết quả thực hiện cải cách hành chính (PAR năm 2023); kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2023); kết quả thực hiện Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025; kết quả thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn; kết quả thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích; kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; kết quả thực hiện quy tắc ứng xử; kết quả thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập và kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước (3 điểm), bao gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng và tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.

** Tiêu chí đánh giá việc phát hiện và xử lý tham nhũng (40 điểm), bao gồm:*

- Đánh giá việc phát hiện hành vi tham nhũng (12 điểm), trong đó đánh giá kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát; kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo; kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử.

- Đối với việc xử lý tham nhũng (20 điểm), đánh giá kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra tham nhũng; kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng; kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của việc tham nhũng.

- Về kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN (8 điểm), đánh giá kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81, Nghị định 59/NĐ-CP); kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82, Nghị định 59/2019/NĐ-CP); kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83, Nghị định 59/2019/NĐ-CP); kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84, Nghị định 59/2019/NĐ-CP); kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác (Khoản 2, Điều 94 Luật PCTN); kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85, Nghị định 59/2019/NĐ-CP); kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai tài sản thu nhập (Điều 20, Nghị định 130/2020/NĐ-CP); kết quả xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát tài sản thu nhập (Điều 21, Nghị định 130/2020/NĐ-CP).

* *Tiêu chí đánh giá việc thu hồi tiền, tài sản tham nhũng (10 điểm) bao gồm:* đánh giá kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh (5 điểm); kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án (5 điểm).

Căn cứ Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn đánh giá công tác PCTN cấp tỉnh năm 2023, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức đánh giá công tác PCTN tại địa phương mình theo quy định của pháp luật về PCTN, Kế hoạch 198/KH-TTCT ngày 6/2/2024 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

VI. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 03 năm 2024.

Quy định chuyển tiếp:

a) Về phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội:

Dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã được phê duyệt và phân cấp quản lý và đầu tư tại Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND.

b) Về trình tự, thủ tục triển khai, thực hiện dự án:

Các trình tự, thủ tục của dự án đã được thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực này thi hành thì không phải thực hiện lại; các hoạt động tiếp theo chưa được thực hiện thì thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Bãi bỏ một số điểm, điều của Quy định về quản lý đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và thay thế Phụ lục Phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND:

- Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 9;

- Bãi bỏ Điều 19;
- Thay thế Phụ lục Phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND (chi tiết theo Phụ lục phân cấp quản lý và đầu tư kèm theo Quyết định này).

Một số nội dung chính của Quyết định:

Phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội

1. Đối với cấp tỉnh:

Cấp tỉnh quản lý và đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do ngân sách tỉnh đảm bảo đầu tư, bao gồm cả các dự án sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

2. Đối với cấp huyện, cấp xã:

a) Cấp huyện quản lý và đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công do ngân sách địa phương đảm bảo đầu tư, bao gồm cả các dự án sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên.

b) Căn cứ các nội dung được UBND tỉnh phân cấp, UBND cấp huyện tiếp tục phân cấp cho cấp xã thực hiện quản lý và đầu tư từng lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn bảo đảm phù hợp với điều kiện, khả năng cụ thể của địa phương và phù hợp về thẩm quyền, trách nhiệm của cấp xã;

Việc phân cấp cho cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và theo quy định của pháp luật có liên quan.

(Chi tiết theo Phụ lục phân cấp quản lý và đầu tư một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh kèm theo Quyết định này).

HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp huyện quản lý và đầu tư (trừ chương trình, dự án được UBND cấp huyện phân cấp cho cấp xã quản lý và đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này).

Trong trường hợp cần thiết, HĐND cấp huyện quyết định việc giao cho UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C quy định tại khoản này phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương”.

HĐND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C do cấp xã quản lý và đầu tư theo phân cấp của UBND cấp huyện.

Trong trường hợp cần thiết, HĐND cấp xã quyết định việc giao cho UBND cấp xã quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm C quy định tại khoản này phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương.

Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do HĐND quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Đầu tư công.

Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Đầu tư công.

2. Tổ chức thẩm định dự án: Chủ tịch UBND các cấp thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án do cấp mình quản lý. Trong đó, giao cơ quan chuyên môn quản lý lĩnh vực cụ thể là cơ quan thường trực của Hội đồng.

3. Đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin:

Hội đồng thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở hoặc thiết kế chi tiết (đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật) của đơn vị có thẩm quyền và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (nếu cần thiết) theo quy định tại khoản 5 Điều 20 và khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ;

Trong trường hợp đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết đồng thời là chủ đầu tư dự án, đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết theo quy định tại khoản 4 Điều 20 và điểm đ khoản 2 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ;

VII. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 13/3/2024 của UBND tỉnh:

Theo Quyết định này, bãi bỏ Quyết định số 86/2012/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Ghi chú: Các văn bản nêu trên được đăng tải trên các Website, Cổng thông tin điện tử như:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật: <https://vbpl.vn/pages/portal.aspx> (bao gồm cả văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương trên địa chỉ <https://vbpl.vn/tw/Pages/home.aspx>; và các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Bắc Ninh ban hành trên địa chỉ: <https://vbpl.vn/bacninh/Pages/home.aspx>);

- Công báo Chính phủ: <https://congbao.chinhphu.vn>;

- Trang Thư viện pháp luật: thuvienphapluat.vn
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh: <https://bacninh.gov.vn>;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp, mục Phổ biến giáo dục pháp luật: <https://pbgdpl.moj.gov.vn>);
- Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp (mục Phổ biến, giáo dục pháp luật: <https://stp.bacninh.gov.vn/pho-bien-giao-duc-phap-luat>).